

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HS-ST**

Ngày: 24-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Việt Hưng

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Đinh Văn Đ; (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 10 tháng 8 năm 1976 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 02/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Văn T (đã chết) và bà Hứa Thị K, sinh năm 1940; Bị cáo có vợ là Vũ Thị X, sinh năm 1977, và 02 người con, con thứ nhất sinh năm 2001, con thứ hai sinh năm 2008.

Tiền án: 01 tiền án, theo Bản án số 05/2020/HS-ST ngày 15/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/02/2021, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không

Nhân thân: Bản án số 111/2013/HSST ngày 18/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội, xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 01/01/2015, đã được xóa án tích. Năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 11/11/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú.

* *Bị hại*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984 - Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt có lý do.

* *Người làm chứng*:

- Anh Hoàng Tư D, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

- Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1992 - Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ sáng ngày 06/7/2022 chị Hoàng Thị T cùng chồng là Đinh Văn H trú tại Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đi ra đồng làm việc, khi đi anh H có để 01 (một) chiếc điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu XIAOMI REDMI 9C ở trên bàn uống nước trong phòng khách rồi khép cửa lại nhưng không khóa. Sáng cùng ngày, Đinh Văn Đ, sinh năm 1976 trú tại Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Ngày 13/5/2020, Đ bị xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 05/2020/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện N, chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/02/2021, chưa được xóa án tích) đi thăm ruộng ở khu vực N thuộc thôn B, xã Đ, trên đường quay về qua đường rẽ vào nhà H thấy cửa nhà chính của H không khóa mà chỉ khép lại, thấy không có người ở nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ mở cửa chính đi vào trong nhà, nhìn xung quanh thấy trên bàn uống nước tại phòng khách có 01 (một) chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, Đ lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc trên người rồi đi ra ngoài theo hướng cửa chính và khép cửa lại như ban đầu. Sau khi lấy được điện thoại, Đ đi bộ xuống cầu B thì gặp và đi nhờ xe mô tô của Hoàng Tư D, trú tại Khu 2, xã V, huyện N xuống xã V để Đ tìm nơi bán điện thoại, trên đường đi hai người gặp Hoàng Văn K, trú tại Khu 1, xã V ở gần cầu B thì D dừng xe để K lên xe đi về cùng. D điều khiển xe mô tô chở theo Đ và K, trên đường đi Đ nhờ K bán hộ một chiếc điện thoại và nói là điện thoại của Đ thì được K đồng ý, ba người xuống đến đèo K, xã V rồi Đ xuống xe đợi, còn D và K đến cửa hàng mua bán điện thoại L Mobile của anh Nguyễn Văn L tại K, xã V, D đợi ở ngoài đường, một mình K vào trong quán bán chiếc điện thoại XIAOMI REDMI 9C Đ vừa đưa cho, được số tiền 1.500.000 đồng xong rồi cùng D quay lại đưa tiền cho Đ, sau đó Đ lấy 500.000 đồng mua đồ ba người ăn uống cùng nhau, số tiền còn lại tiêu dùng cá nhân hết. Khoảng 09 giờ 30 cùng ngày, chị T và anh H đi làm đồng về đến nhà phát hiện bị mất chiếc điện thoại nên trình báo cơ quan công an.

Lời khai Hoàng Tư D, Hoàng Văn K xác nhận: Sáng ngày 06/7/2022 D và K đến xã Đ chơi thì gặp Đ, do có quen biết từ trước khi được Đ hỏi đi nhờ xe để bán điện thoại thì D đồng ý, D không biết điện thoại do Đ trộm cắp mà có, trên đường đi xuống xã V gặp K ở thôn B thì cho K ngồi xe đi về cùng. Trên đường đi D là người điều khiển xe mô tô, lúc ngồi trên xe Đ nhờ K bán hộ một chiếc điện thoại, K hỏi điện thoại của ai

thì Đ bảo điện thoại của Đ thì K đồng ý. K và D không biết điện thoại do trộm cắp mà có, sau khi bán được điện thoại K đưa tiền cho Đ, rồi Đ lấy một phần số tiền mua đồ ăn uống cùng nhau xong mọi người tự đi về. K và D xác nhận cả ba người không thỏa thuận, hứa hẹn gì với nhau về việc mua bán điện thoại, gặp Đ chỉ là tình cờ, trước và sau khi bán không biết điện thoại do Đ trộm cắp có được.

Cùng ngày, cơ quan công an xã Đ, huyện N tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 9C tại cửa hàng L Mobile, thuộc K, xã V, huyện N do Hoàng Văn K mang đến bán cùng ngày. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 16/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị tài sản chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 9C thời điểm xảy ra vụ việc tháng 07/2022 là 1.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSNS, ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đinh Văn Đ về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Đinh Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 11/11/2022.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. LỜI SAU CÙNG BỊ CÁO MONG HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XEM XÉT CHO BỊ CÁO ĐƯỢC HƯỞNG MỨC HÌNH PHẠT NHẸ NHẤT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng (đã có đơn xin xét xử vắng mặt), 02 người làm chứng vắng mặt không có lý do. Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Bản thân là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Sáng ngày 06/7/2022, tại Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Đinh Văn Đ có hành vi một mình lén lút vào nhà của chị Hoàng Thị T, trú cùng thôn B chiếm đoạt 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI 9C trị giá 1.700.000 đồng, mang đi bán lấy tiền sử dụng cá nhân. Giá trị tài sản Đức trộm cắp ngày 06/7/2022 trị giá dưới 2.000.000 đồng, tuy nhiên trước đó ngày 13/5/2020, Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù theo Bản án số 05/2020/HS-ST về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/02/2021, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã từng bị xét xử bị áp dụng hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện hành vi phạm tội để bán tài sản lấy tiền tiêu dùng cá nhân.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, hình phạt đối với bị cáo

Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 111/2013/HSST ngày 18/6/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội, xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 01/01/2015, đã được xóa án tích. Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo có 01 tiền án, theo Bản án số 05/2020/HS-ST ngày 15/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/02/2021, chưa được xóa án tích.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội gây thiệt hại không lớn; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn L số tiền 1.000.000 đồng, nên đây được coi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy. Sau khi chấp hành hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Qua đó, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động bị cáo trộm cắp đã thu hồi lại được, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc trả lại các tài sản trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Vấn đề liên quan trong vụ án:

- Đối với anh Nguyễn Văn L, khi mua chiếc điện thoại, anh L không biết điện thoại do trộm cắp mà có, không hứa hẹn trước về việc mua bán chiếc điện thoại này, cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với D là người cho bị cáo nhờ xe mô tô để bị cáo tìm nơi bán điện thoại và K được bị cáo nhờ đi bán hộ điện thoại, bản thân K và D không biết chiếc điện thoại do

trộm cắp mà có, cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý D và K. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/11/2022 đến ngày 11/11/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ